

VUA LÊ THÁNH TÔNG VỚI VIỆC BẢO TỒN VÀ PHÁT TRIỂN VĂN HÓA DÂN TỘC

KING LE THANH TONG WITH THE NATIONAL CULTURE PRESERVATION AND DEVELOPMENT

Lê Thị Thu Hiền

Trường Đại học Sư phạm – Đại học Đà Nẵng

Email: lethuhiendn@gmail.com

TÓM TẮT

Dưới thời vua Lê Thánh Tông trị vì (1460 - 1497), nước Đại Việt trở thành một quốc gia hùng cường trong khu vực và là thời đại thịnh trị nhất trong lịch sử phong kiến Việt Nam. Bên cạnh những chính sách phát triển đất nước như kinh tế, chính trị, phòng thủ và bảo vệ biên giới lãnh thổ,... thì trong công cuộc xây dựng và phát triển văn hóa, “minh quân” Lê Thánh Tông cũng có những chính sách thật sự mang lại hiệu quả và góp phần quan trọng trong việc giữ gìn và phát huy những nét đẹp của văn hóa truyền thống dân tộc. Những chính sách đối với công trình, di tích văn hóa, bài trừ hủ tục, mê tín dị đoan, bảo vệ thuần phong mỹ tục... đã góp phần đưa văn hóa Đại Việt dưới thời Lê Thánh Tông lên một tầm cao mới và là cơ sở tham chiếu cho việc xây dựng và phát triển nền văn hóa của nước ta trong quá trình hội nhập vào nền văn hóa nhân loại.

Từ khóa: Vua Lê Thánh Tông; văn hóa; văn hóa dân tộc; chính sách; bảo tồn và phát triển.

ABSTRACT

In Le Thanh Tong's reign (1460-1497), Daiviet became a powerful nation among surrounding countries in the region and was the most prosperous and peaceful age in Vietnamese feudal history. Besides the national development policies such as economy, politics, defensiveness and protection of territorial boundaries, in the work of cultural construction and development, “clear-sighted King” Le Thanh Tong promulgated actually effective policies, contributing an important part to the conservation and development of the nation's beauty of traditional culture. The policies relating to buildings and preservation of tangible cultural heritages, abolishing backward customs and superstitions, protecting fine customs... under Le Thanh Tong dynasty not only contributed to enhancing the culture of Daiviet to a new zenith in history but was also the reference for the formation and development of our nation's culture in the process of integrating with the global culture.

Key words: King Le Thanh Tong; culture; national culture; policy; preservation and development.

1. Đặt vấn đề

Lê Thánh Tông lên ngôi vua từ năm 18 tuổi, ở ngôi được 38 năm. Trong thời gian trị vì, ông đã để lại một sự nghiệp lẫy lừng mà ít người ở trên cương vị của ông có thể sánh được. Dưới thời Lê Thánh Tông, nước Đại Việt luôn ở trong tình trạng ổn định về mọi mặt. Bên cạnh những chính sách phát triển đất nước như kinh tế, chính trị, phòng thủ và bảo vệ biên giới lãnh thổ,... thì trong công cuộc xây dựng và phát triển văn hóa, vua Lê Thánh Tông cũng có những chính sách thật sự mang lại hiệu quả và góp phần quan trọng trong việc giữ gìn và phát huy những nét đẹp của văn hóa truyền thống dân tộc. Do đó, không phải ngẫu nhiên mà nhiều nhà nghiên cứu ngày nay xem Lê

Thánh Tông là nhà văn hóa lớn trên tiến trình phát triển của lịch sử dân tộc.

2. Một số chính sách bảo tồn và phát huy văn hóa dân tộc của vua Lê Thánh Tông

2.1. Chính sách đối với văn hóa tâm linh

Từ trước thời Lê Thánh Tông trị vì, văn hóa tâm linh đã được hình thành, phát triển, vun đắp qua nhiều giai đoạn, nhiều triều đại và đã trở thành nét văn hóa riêng của dân tộc ta. Ví như ở thời Lý - Trần, những năm gặp thiên tai như: hạn hán hay lũ lụt, nạn mất mùa và đói kém diễn ra, đời sống nhân dân vô cùng cực khổ, dân phiêu tán khắp nơi. Do đó, những lúc gặp thiên tai, các vua thời trước đã thành tâm tiến hành *cầu đảo* để mong vượt qua thiên tai mà trời giáng xuống. Thời Lê Thánh

Tông cũng không phải ngoại lệ. Ngoài cầu đảo những khi gặp thời tiết không thuận lợi, đối với các công trình nơi thờ cúng các bậc tiền bối, các vị hiền triết xưa nay như Văn Miếu được xây dựng ở thời Lý, thờ Chu công, Khổng Tử và các bậc hiền tài, vua Lê Thánh Tông cũng tỏ rõ sự tôn trọng và thành tâm làm các lễ tế để ghi nhớ và biết ơn đối với họ. Về việc này, sử sách có chép lại rằng, năm 1465, vua định lệ: “*Tế Văn Miếu ở các trấn lộ, dùng 2 ngày đình mùa xuân, mùa thu, chỉ tế 10 vị hiền triết thôi*” [4, tr.243].

Trong tâm linh của người Việt, những người đã khuất dù thân xác không còn nhưng âm hồn vẫn tồn tại ở xung quanh họ, ảnh hưởng và chi phối đến cuộc sống hàng ngày của họ. Do đó, để tỏ lòng thương nhớ của mình, trong dân gian thường tổ chức các buổi tế lễ ở làng xã đối với những người có công với sự tham gia của cả dân làng hay lễ tế nhỏ đối với những người thân trong gia đình. Để thống nhất việc tiến hành thực hiện các nghi lễ, vua Lê Thánh Tông đã quy định về lễ vật được sử dụng trong các lễ tế. Theo đó, năm 1464, vua xuống dụ rằng: “*Định lễ vật tế âm hồn gồm sinh và rượu*” [2, tr.238]. Khi có tế lễ lớn, đặc biệt là ngày quốc kỵ (những ngày giỗ tổ của cả nước được ghi trong thái miếu), việc chuẩn bị lại càng phải chu đáo, cẩn thận hơn, không những lễ vật đầy đủ, tinh khiết, bày biện đúng phép mà quan tham dự tế lễ cũng phải lo làm đúng chức phận, cấm trể nải, chây lười, trốn tránh (quy định tại điều 104, 105, 106, 107 của Luật Hồng Đức).

Với mô mã của ông bà, tổ tiên, nhà nước cũng có những quy định cụ thể đối với những hành vi xâm phạm hay không tôn trọng những người đã mất. Chẳng hạn, những hành vi xâm phạm đến mô mã đều bị xử phạt nặng như: “*Kẻ đào trộm mã của người khác mà lấy đồ vật gạch ván, thì bị xử lưu đày châu xa; nếu đã mở quan tài ra thì phải tội chém. Nếu lấy trộm thây hay làm hủy nát thì bị xử nặng tội thêm một bậc; và đều phải nộp tiền tạ như tội đánh người có quan tước*” [3, tr.146]. Hoặc có trường hợp hun chuột, cáo có thể vô tình hay cố ý làm ảnh hưởng đến nơi an nghỉ của người đã khuất cũng bị khép tội: “*... Nếu hun hang chuột cáo ở gần mộ người ta mà để cháy đến quan tài, thì bị xử tội đồ; cháy đến thây thì bị xử tội đồ làm tượng*

phường bình; nếu là mộ của bậc tôn trưởng hàng ty ma trở lên thì cứ mỗi bậc tăng thêm tội một bậc. Con cháu mà hun cáo chuột ở phần mộ ông bà, cha mẹ, đây tờ hun bắt chuột ở mộ chủ thì bị xử đồ làm tượng phường bình; bị cháy quan tài thì bị xử lưu đày châu gần, cháy vào thây thì xử lưu đày châu xa; và đều phải nộp tiền tạ theo tội nặng nhẹ; là mộ nhà quyền quý thì bị xử cách khác...” [3, tr.146].

2.2. Chính sách đối với các công trình, di tích văn hóa

Dưới thời Lê Thánh Tông, ông đã có ý thức rất cao về vai trò và ý nghĩa của các công trình, di tích văn hóa mà các đời trước để lại. Bởi lẽ, các công trình, di tích văn hóa đó là nơi còn lưu lại những dấu tích xưa, sự phát triển của một giai đoạn lịch sử hay như là biểu tượng của một triều đại mà đến thời Lê Thánh Tông vẫn còn giá trị về mặt tinh thần rất lớn cũng như ảnh hưởng sâu sắc đến đời sống văn hóa của dân chúng. Ví như Văn Miếu được xây dựng ở thời Lý năm 1070, đây là biểu tượng cho sự quan tâm và xem trọng việc học hành của triều đại này.

Sự quan tâm và coi trọng các di tích văn hóa dưới triều Lê Thánh Tông được thể hiện rõ nét thông qua việc xây dựng mới hay trùng tu lại một số công trình ở các thời trước. Trong các công trình được trùng tu, xây dựng dưới thời Lê Thánh Tông, điển hình là công trình Văn Miếu - Quốc Tử Giám. Với đợt trùng tu mở rộng lớn nhất vào năm 1483, vua Lê Thánh Tông đã cho dựng ở Văn Miếu các công trình Đại Thành môn, nhà Giải vũ Đông Tây, điện Canh Phục, kho tế khí... Đến năm 1484, Lê Thánh Tông đã cho xây lại Văn Miếu, mở rộng lại Quốc Tử Giám, biến khu này thành một quần thể kiến trúc khang trang lộng lẫy. Những kiến trúc chính như điện Đại Thành, nhà Thái học không những làm to hơn mà còn được lợp ngói đồng. Mặt khác, đối với Quốc Tử Giám, Lê Thánh Tông cho dựng nhà Minh Luân, đặt các chức Tế tửu, Tư nghiệp Quốc Tử Giám. Với việc trùng tu, xây dựng các công trình, đặt các chức quan đã thể hiện sự quan tâm của triều đình về việc bảo tồn và tôn tạo các công trình văn hóa.

Bên cạnh việc tu sửa Văn Miếu - Quốc Tử Giám cho khang trang hơn, Lê Thánh Tông còn quan

tâm và tiến hành tu bổ đối với các công trình văn hóa khác. Có những công trình được nhà nước tiến hành tu bổ nhiều lần nhằm bảo vệ và duy trì hiện trạng khi còn nguyên sơ như điện Kính Thiên. “*Đây là công trình chính lớn nhất trong các cung điện của khu Hoàng thành. Nó được Lê Lợi dựng năm 1428 và đến năm 1465 Lê Thánh Tông đã cho làm lại và sửa sang cho đẹp hơn. Hai năm sau, nhà vua lại cho làm thêm lan can đá ở thềm điện*” [1, tr.346].

Sự quan tâm tu bổ, tôn tạo các công trình, di tích văn hóa của các thời đại trước của vua Lê Thánh Tông đã cho thấy ý thức giữ gìn và bảo vệ những giá trị mang tính truyền thống của các di sản, công trình văn hóa rất cao. Dưới thời Lê Thánh Tông, các công trình không những được tu bổ một, hai lần mà nhiều lần được sửa sang và tôn tạo. Điều đó góp phần làm cho các công trình văn hóa tiếp tục được giữ gìn, tồn tại cho đến các thế hệ sau.

2.3. Chính sách bài trừ mê tín dị đoan, hủ tục lạc hậu, tệ nạn xã hội

Mê tín dị đoan luôn là vấn đề ảnh hưởng không nhỏ đến đời sống tâm lý của người dân. Ở góc độ tiêu cực, nó làm cho trật tự xã hội bị rối loạn, dân chúng hoang mang lo sợ, Dưới thời Lê Thánh Tông, việc bài trừ mê tín dị đoan, các hủ tục lạc hậu và tệ nạn xã hội cũng được ông chú ý. Điều này thể hiện thông qua các sắc dụ, điều luật mà vua Lê Thánh Tông ban hành. Việc bói toán làm cho con người đôi khi hành động và tin tưởng vào lời nói của người bói toán một cách mù quáng, ảnh hưởng đến cuộc sống của chính họ và nhiều người, kể cả những người ở trong cung cấm. Do đó, đối với vấn đề này, vua xuống dụ rằng: “*Những người bói toán và đạo thích ở trong nước từ nay về sau không được cùng với người trong cung và hậu đình giao thông chuyện trò*” [2, tr.236].

Bộ luật Hồng Đức tỏ ra nghiêm khắc và xử phạt nặng (tội đồ, tội giáo, xử lưu, xử biếm hay bãi chức ...) đối với những hành vi như: làm ra/truyền bá sách tà thuật hay nói điều quái gỡ; bịa đặt thuật số bói toán; dùng tà thuật, bùa chú để hại người; giả danh xưng bồ tát, bà đồng lừa bịp dân. Chẳng hạn, “*những kẻ làm ra yêu thư, yêu ngôn thì xử tội giáo (nghĩa là làm ra những cuốn sách hay câu*

nói về điềm lành điềm gở hoặc truyện quỷ thần nói về sự cát hung không hợp lẽ phải). Những kẻ tuyên truyền hay dùng những sách hoặc câu yêu quái kể trên để xúi giục dân chúng thì cũng bị tội như kẻ tạo ra... Những kẻ đặt ra câu đồng dao dính dáng đến chuyện quái gỡ, rối loạn thì xử lưu đi châu gần...” [3, tr.139-140].

Đối với việc tang lễ, trong dân gian vẫn có những trường hợp sách nhiễu đối với gia đình người có tang sự, vì vậy, vua Lê Thánh Tông đã ban hành điều luật để bài trừ hủ tục này như: “*Trong làng, nhà có việc tang; xóm giềng đến giúp đỡ. Tang chủ tùy theo sức mà thiết đãi, nếu theo thói hủ tục cũ sách nhiễu tang chủ phải có cơm rượu, thịt cá, cỗ to thì xử phạt 80 trượng*” [3, tr.80].

Để phòng ngừa và bài trừ tệ nạn cờ bạc, trong bộ luật Hồng Đức có dành riêng hai điều nhằm hạn chế tệ nạn đó. Theo điều 188, Bộ luật Hồng Đức quy định: “*Những người tụ tập đánh bạc thì bị tội đánh 70 trượng, biếm ba tư, phạt tiền ba quan, thưởng cho người cáo giác. Người đứng đầu hay tái phạm tội đánh bạc thì bị tội thêm một bậc... Những tiền trong sòng bạc và văn tự vay nợ mua bán vì đánh bạc đều sung công. Đánh bạc trong khi có quốc tang thì tội thêm một bậc và trong khi đánh bạc có xảy ra việc gì khác thì định tội khác*” [3, tr.90]. Hay điều 189 quy định rằng: “*Những người đánh cờ tướng thì nhẹ tội hơn người đánh bạc một bậc. Nhưng các quan tướng và quân lính đánh cờ để đầu trí thì không phải tội, nếu đánh cờ bằng tiền thì tội cũng như đánh bạc*” [3, tr.90].

2.4. Chính sách bảo vệ thuần phong mỹ tục

Việc bảo vệ thuần phong mỹ tục của dân tộc cũng được Lê Thánh Tông quan tâm, bởi lẽ nó thể hiện văn hóa của một quốc gia, đồng thời những giá trị tốt đẹp của thuần phong mỹ tục được giữ gìn và phát huy sẽ là nền tảng để xây dựng một xã hội ổn định và phát triển. Vì thế, tháng 5 năm 1465, vua chỉ đạo bộ Lễ: “*Yết bảng khuyến giữ phong hóa*” [2, tr.244].

Đối với việc cưới hỏi đã trở thành một nét văn hóa đặc sắc, tốt đẹp của dân tộc và cũng từ lâu đã trở thành phong tục của người dân Việt, trong đó quy định về cách thức và nghi lễ để tiến hành. Tuy nhiên, nhận thấy sự chưa thống nhất trong

nghi lễ nên năm 1478, vua Lê Thánh Tông đã định nghi lễ về hôn nhân giá thú như sau: “*Phàm người lấy vợ, trước hết phải mượn người mới đi lại bàn định, rồi sau mới dịch lễ cầu thân; lễ cầu thân xong rồi mới dịch lễ dẫn cưới (nạp sinh); dẫn cưới xong rồi mới chọn ngày xin đón dâu (thân nghênh); ngày hôm sau chào cha mẹ chồng. Ngày thứ ba đến lễ nhà thờ. Nghi thức tiết mục phải theo đúng như điều đã ban xuống mà làm, không được như trước, nhà trai dẫn lễ cưới rồi để đến 3,4 năm mới đón dâu*” [2, tr.333].

Một nét văn hóa tốt đẹp nữa của dân tộc ta chính là sự hiếu thuận của con cháu đối với ông bà, cha mẹ. Điều này thể hiện sự biết ơn sâu sắc những người đã có công sinh thành và nuôi dưỡng. Theo đó, để tôn vinh những người có hiếu và lễ, vua Lê Thánh Tông biểu dương, ban thưởng để động viên và khuyến khích dân chúng noi theo mà học tập. Ví như trường hợp của Nguyễn Liêm, người làng Mỗ Xá, phủ Ứng Thiên, nổi tiếng là người hiếu hạnh với cha mẹ, hòa thuận với anh em, Lê Thánh Tông đã: “*Ban cho biển ngạch hạ lệnh cho sở tại dựng một cái lầu cao ở ngoài cổng để biểu dương cho người biết và tha dao đài tạp dịch cho bản thân Nguyễn Liêm*” [2, tr.321]. Mặt khác, để đảm bảo việc biểu dương và khen thưởng của nhà nước cho tất cả những người nổi tiếng có đức và lễ nghĩa cũng như việc giữ gìn trình tiết của người phụ nữ được tuân thủ nghiêm túc thì luật Hồng Đức cũng quy định: “*Có những người hiếu hữu cùng đàn bà trinh liệt, mà không tâu lên để ban thưởng, hay có những kẻ loạn luân trái đạo, mà không tâu lên để trị tội, thì quan lộ, quan huyện bị xử tội biếm hay phạt*” [3, tr.113]. Điều này đã khuyến khích hết thảy dân chúng cùng nhau phát huy những giá trị tốt đẹp của văn hóa truyền thống của người Việt.

Ngoài ra, tình yêu thương con người cũng là một nội dung được đề cập trong Bộ luật Hồng Đức nhằm khuyến khích tình thương yêu đồng loại, dòng tộc, đồng bào. Sở dĩ phải quy định thành luật là bởi có một số người còn dừng dung trước nỗi đau của người khác, như vậy là đi ngược lại với truyền thống và đạo lý của dân tộc có văn hóa. Theo đó, Lê Thánh Tông quy định: “*Trong kinh thành hay phường, ngõ và làng xóm có kẻ đầu óc mà không*

ai nuôi nấng nằm ở đường sá, cầu, điểm, chùa, quán, thì xã quan ở đó phải dựng lều lên mà giữ gìn, chăm sóc, và cho họ cơm cháo thuốc men, cốt sao cứu cho họ sống, không được bỏ mặc họ rên rỉ khốn khổ. Nếu không may mà họ chết thì phải trình quan trên và tùy điều kiện chôn cất, không được để phơi lộ thi hài...” [3, tr.112]. Ngoài việc cứu mang những kẻ đầu óc không người nuôi nấng, quan lại sở tại còn cần có trách nhiệm thu nuôi, cấp cơm áo cho những người góa vợ, góa chồng, mồ côi, người tàn tật nặng không người thân thích để nương tựa, không thể tự mình mưu sống được (điều 295, luật Hồng Đức). Những điều luật này thể hiện tính nhân đạo sâu sắc của Lê Thánh Tông, đặc biệt đối với những người không nơi nương tựa. Đó cũng chính là nét đẹp thuộc về mỹ tục trong văn hóa của người dân Đại Việt.

Tuy vậy, trong xã hội vẫn có trường hợp những người con bất hiếu, ngỗ ngược không nghe theo lời dạy bảo của ông bà, cha mẹ. Đối với những hành vi đánh người thân hay những người đã có công sinh thành và nuôi dưỡng mình, đi ngược lại với luân thường đạo lý thì bị xã hội lên án gay gắt. Đó là những hành vi bất hiếu, bất mục, bất kính nên nhà nước tỏ ra rất nghiêm khắc đối với các hành vi trên, luật Hồng Đức quy định: “*Kẻ lãng mạ ông bà, cha mẹ thì bị xử tội lưu châu ngoài; đánh thì bị xử lưu châu xa, đánh bị thương thì phải xử tội giảo...*” [3, tr.154]. Hoặc đối với việc: “*Vợ cả, vợ lẽ mà lãng mạ ông bà cha mẹ chồng thì xử tội lưu; đánh thì bị xử lưu châu ngoài; đánh bị thương thì bị xử lưu đi châu xa; đánh chết thì bị xử tội giảo...*” [3, tr.155]. Hay: “*Kẻ đánh anh chị, cậu dì, và ông bà, cha mẹ vợ thì bị xử tội làm khao đình; đánh bị thương thì bị xử đồ làm tượng phượng bình... đánh chết thì phải xử chém*” [3, tr.155]. Đó là những quy định rất cụ thể và chi tiết, hình phạt nặng để trừng trị những kẻ vi phạm và đủ sức răn đe đối với những hành vi bất hiếu nhằm bảo vệ và gìn giữ thuần phong mỹ tục trong dân chúng.

Gian dâm, loạn luân là biểu hiện của thói cuồng dâm, của sự sa đọa tột cùng của đạo đức và nhân tính, vi phạm luân thường đạo lý một cách nghiêm trọng nên bị xã hội lên án gay gắt. Để bài trừ và răn đe những hành vi làm hoen ố đạo đức và

văn hóa của dân chúng, Bộ luật Hồng Đức đã dành riêng 3 điều để trừng trị nghiêm khắc tặc nạn loạn luân và 6 điều để trừng trị thói gian dâm như: “Người vô lại lấy cô, dì, chị em gái, kẻ nữ (tức con gái riêng của vợ) người thân thích đều phông theo luật gian dâm mà trị tội” [3, tr.118]. Hoặc như: “Là anh, là em, là học trò mà lấy vợ của em, của anh, của thầy học đã chết, đều xử tội lưu, người đàn bà bị xử giảm một bậc, đều phải ly dị” [3, tr.118]; “Gian dâm với vợ kẻ, vợ lẽ của ông, cha, với mẹ nuôi, mẹ kế, bác gái, thím, cô, dì, chị, em gái vợ của con cháu, con gái của anh em đều bị xử tội chém, đàn bà con gái [gian dâm] bị lưu đi châu xa...” [3, tr.138].

Bên cạnh đó, việc phụ nữ phá thai cũng như hành vi phá thai cho người khác được xem là vi phạm nghiêm trọng đến đạo đức con người, luân lý của xã hội, không chỉ vậy còn ảnh hưởng xấu đến sức khỏe và có khi mất cả tính mạng, trước đó đã có lệnh nghiêm cấm nhưng dân chúng không nghe và vẫn tái phạm. Ý thức được điều này, năm 1484, Lê Thánh Tông đã xuống dụ nhắc rằng:

“Trước đã có lệnh cấm, hễ là đàn bà tàn nhẫn, hoặc muốn ít con cái để giữ lấy nhiều của, hoặc ngại việc sinh đẻ, muốn đỡ khó nhọc, thấy mình có thai, dùng cách phá đi, thương tổn tính mệnh, tổn hại luân thường, cũng là kẻ nào phá thai cho người khác, đều phải kiểm xét, theo luật trị tội. Thế mà vẫn coi là tờ giấy không, không đối lỗi trước vẫn theo thói cũ, tặc trước càng thêm, coi thường pháp luật làm hư phong tục không gì hơn thế. Nay nên nhắc rõ lệnh trước, răn cấm hơn lên, nếu có người đàn bà như hạng nói trên, ai cũng biết cả cùng là người chồng không biết răn cấm, đều như luật mà trị tội” [2, tr.357].

Những hành vi hội họp, ăn chơi không phải

những ngày lễ tế hay các hoạt động văn hóa, lễ hội cũng đều bị cấm. Năm 1484, Lê Thánh Tông ra lệnh cấm người dân trong nước: “Không phải các lễ giỗ chạp, cưới xin, được ân mệnh, ăn mừng, đám ma, mà vô có họp nhau ăn uống, thì theo luật trị tội” [2, tr.357].

3. Kết luận

Có thể thấy rằng, những giá trị văn hóa tốt đẹp của dân tộc ta dưới thời Lê Thánh Tông đã được ông chú trọng, thể hiện qua việc ban hành nhiều chính sách nhằm phát huy những nét văn hóa truyền thống tốt đẹp trong dân chúng, góp phần đưa văn hóa của Đại Việt lên một tầm cao mới. Các chính sách bảo tồn và phát triển văn hóa dưới thời vua Lê Thánh Tông góp phần tạo nên những thành tựu rực rỡ của văn hóa dân tộc trong giai đoạn này, trên cơ sở kế thừa của các triều đại trước cũng như những cố gắng, nỗ lực từ vua đến quan lại và dân thường đã dày công tạo dựng. Theo đó, những giá trị văn hóa truyền thống được giữ gìn và sáng tạo ra dưới thời Lê Thánh Tông trở thành nền tảng để các triều đại sau kế thừa và tiếp tục phát triển.

Trong thời đại ngày nay, xu thế phát triển chung của thế giới là hội nhập và hợp tác toàn diện trên mọi lĩnh vực, kể cả văn hóa. Do đó, vấn đề xây dựng, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa truyền thống là một trong những vấn đề trọng tâm mà Đảng và Nhà nước quan tâm. Với ý nghĩa đó, những chính sách bảo tồn và phát triển các yếu tố truyền thống tốt đẹp của dân tộc dưới thời Lê Thánh Tông vẫn còn nguyên giá trị thực tiễn, là cơ sở tham chiếu cho việc xây dựng và phát triển nền văn hóa của nước ta trong quá trình hội nhập vào nền văn hóa nhân loại.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Nguyễn Huệ Chi (Chủ biên) (1998), *Hoàng đế Lê Thánh Tông nhà chính trị tài năng nhà văn hóa lỗi lạc nhà thơ lớn*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [2] Ngô Sĩ Liên và các sử thần triều Lê (2004), *Đại Việt sử kí toàn thư*, Toàn tập, NXB Văn hóa thông tin, Hà Nội.
- [3] Nguyễn Ngọc Nhuận (Chủ biên), Lê Tuấn Anh, Trần Thị Kim Anh (2006), *Một số văn bản điển chế và pháp luật Việt Nam*, Tập 1, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [4] Quốc sử quán triều Nguyễn (1998), *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, Tập 1, NXB Giáo

dục, Hà Nội.